TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/2020
V/v Ly hôn giữa bà Anh và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Văn Hải.
2. Ông Phạm Văn Ninh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 486/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Ngọc A, sinh năm 1990.
Địa chỉ: đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: đường Nguyễn Văn Tư, khu phố 2, Phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/11/2019, bảng tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Ngọc A trình bày: bà và ông Mai Xuân T tự nguyện tìm hiểu, cưới nhau có đăng ký kết hôn, đã được UBND phường A cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009. Sau khi cưới chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T hay ghen vô cớ và thường xuyên đánh đập bà. Những lần bị đánh bà có trình báo và Công an phường A có lập biên bản, có bị xử phạt hành chính 01 lần. Hiện tại ông bà vẫn sống chung nhà để cùng chăm sóc con nhưng vợ chồng đã ly thân nhau cách nay

khoảng 01 năm. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông T.

- Về con chung: có Mai Gia H, sinh ngày 01/12/2009 và Mai N, sinh ngày 31/5/2017, bà yêu cầu được nuôi bé Mai Nghi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con do bà đang làm việc cho công ty sữa với thu nhập đủ để nuôi cháu N. T hợp yêu cầu nuôi con được chấp nhận thì bà sẽ dẫn cháu N về nhà mẹ ruột rất gần nơi bé đang ở hiện nay để sinh sống, không ảnh hưởng đến việc thăm nom giữa các thành viên trong gia đình. Riêng bé Gia H thì bà đồng ý để sống với cha theo nguyện vọng của cháu, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bảng tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Xuân T trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà A về quan hệ hôn nhân. Ông xác định không còn tình cảm với bà A nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: ông yêu cầu được nuôi Mai Gia H, sinh ngày 01/12/2009 và Mai N, sinh ngày 31/5/2017, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Ông không đồng ý để cháu N sống với mẹ vì điều kiện nuôi con và thu nhập của bà A thấp hơn ông.

- Tài sản chung và nợ chung: không có.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của người tham gia tố tụng là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử công nhận bà Anh và ông T thuận tình ly hôn. Về con chung: đề nghị giao cháu Mai N cho bà A nuôi dưỡng vì cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, giao cháu Gia H cho ông T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên cùng khai không có nên không xem xét giải quyết.

XÉT THẤY:

[1] Bà Đặng Ngọc A và ông Mai Xuân T tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/3/2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do ông T cư trú trên địa bàn thành phố BT nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện "Xin ly hôn" nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và ông T cũng đồng ý ly hôn với bà A. Hội đồng xét xử đã động viên vợ chồng hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng hai bên vẫn giữ nguyên ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử công nhận ông bà thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Mai Gia H, sinh ngày 01/12/2009 là giới tính nam và có nguyện vọng được sống với cha. Mai N, sinh ngày 31/5/2017 là giới tính nữ và hiện tại dưới 36 tháng tuổi. Xét thấy: bà A và ông T hiện tại đều đang có việc làm với mức thu nhập đủ để nuôi con và có nơi ổn định để các con sinh sống sau ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014 giao cháu N cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Gia H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Anh và ông T cùng khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Anh phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 55 và 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: công nhận bà Đặng Ngọc A và ông Mai Xuân T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao con tên Mai N, sinh ngày 31/5/2017 cho bà Đặng Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con tên Mai Gia H, sinh ngày 01/12/2009 cho ông Mai Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà A, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà A, ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Về án phí: Án phí xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Đặng Ngọc A phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008415 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, bà Đặng Ngọc A đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Bến Tre;*
- *Chi cục THADS TP Bến Tre;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *UBND phường A, TP Bến Tre.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương